

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21 – 3 – 2019

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Bùi Đức Thắng.

+ Ông Hà Trọng Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lương Chí T, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kim C, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 15/02/2019 và quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Chí T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Kim C xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 29/4/2014. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, chị C bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, cha mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không kết quả. Nay anh xác định tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Kim C.

Về con chung: Anh và chị C có 01 con chung tên Lương Chí H, sinh ngày 15/4/2015, hiện cháu đang sống với chị C. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu H, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Tại bản tự khai chị Nguyễn Kim C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn và chung sống vợ chồng vào ngày 29/4/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến giữa năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã thường xuyên, cha mẹ hai bên đã hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay anh T xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Lương Chí H, sinh ngày 15/4/2015, hiện cháu đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Kim C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án, thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng chị C có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh Lương Chí T và chị Nguyễn Kim C xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 29/4/2014. Quá trình chung sống anh T xác định vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống từ đó xảy ra cãi vã, chị C bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, cha mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không kết quả. Nay anh xác định tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Kim C. Đối với chị C cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cha mẹ hai bên có tổ chức hòa giải nhưng không thành. Xét thấy, đời sống hôn nhân của anh, chị đã thực sự không còn, mâu thuẫn giữa anh chị là có xảy ra, nay cả hai anh chị thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị, cho anh T được ly hôn chị C.

[3] Về con chung: Anh T và chị C có 01 con chung tên Lương Chí H, sinh ngày 15/4/2015, hiện cháu đang sống với chị C. Khi ly hôn, cả hai anh chị đều yêu cầu được nuôi con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng do anh chị không tự thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt để giao con chung cho người trực tiếp nuôi, xét cháu H hiện còn nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ và cháu hiện đang sống với chị C nhằm tránh xáo trộn ảnh hưởng đến việc sinh hoạt của cháu do đó Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị C không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh T, chị C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh T, chị C khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại nên không đặt ra xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lương Chí T về việc xin ly hôn chị Nguyễn Kim C.

- Về con chung: Giao cháu Lương Chí H, sinh ngày 15/4/2015 cho chị Nguyễn Kim C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có;
- Về nợ chung: Không có.
- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh T phải chịu 300.000đ. Ngày 15 tháng 02 năm 2019, anh T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0002043 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đổi trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Lương Chí T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Kim C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND xã Hòa Thành, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lê Thị Thu

